

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10/10/2019

V/v “Ly hôn (không công nhận là vợ chồng) và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Tư Lul.
2. Bà Đỗ Thị Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2019 về tranh chấp “Ly hôn (không công nhận là vợ chồng) và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lý Quốc B, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn C, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2019, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Lý Quốc B sau khi tìm hiểu thì được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới và tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1992, nhưng không đi đăng ký kết hôn do không hiểu biết về pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh B có tính gia trưởng, vũ phu, không tôn trọng thương yêu vợ con. Trong cuộc sống hàng ngày anh B thường uống rượu vô cớ về đánh đập chị tàn

nhân, vì nghĩ cho các con nên chị cố gắng trong thời gian dài nhẫn nhịn để gia đình êm ấm, con cái có cha có mẹ, chị và con đã góp ý để anh B bỏ tính vũ phu, bỏ việc đánh chị để cuộc sống gia đình hòa thuận hơn, anh B đã hứa sẽ thay đổi nhưng sau đó vẫn chứng nào tật nấy thường xuyên vô cớ chửi bới uống rượu về đánh đập chị. Từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay, chị và anh B không còn sống chung với nhau nữa. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống vợ chồng và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị L và anh B là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh B có 04 con chung là Lý Thị Trúc Q, sinh năm 1993; cháu Lý Thị Phương D, sinh năm 1995; cháu Lý Thiên B, sinh năm 1997; cháu Lý Vương T, sinh ngày 08/5/2002.

Hiện nay cháu Q, cháu D, cháu B đã thành niên và tự lập được nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Lý Vương T, sinh ngày 08/5/2002 chưa thành niên nên chị có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ: Chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án và lời khai tại phiên tòa bị đơn anh Lý Quốc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Bích L sau thời gian tìm hiểu về chung sống với nhau từ năm 1992 mà không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Anh và chị L có cách cãi nhau, trước đây thỉnh thoảng anh có đánh chị nhưng vì khi đó anh nóng tính, không làm chủ được bản thân. 08 năm nay anh không đánh vợ nữa. Anh nhận thấy anh vẫn còn tình cảm với chị L, anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị L. Anh mong chị L quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh B và chị L có 04 con chung là Lý Thị Trúc Q, sinh năm 1993; cháu Lý Thị Phương D, sinh năm 1995; cháu Lý Thiên B, sinh năm 1997; cháu Lý Vương T, sinh ngày 08/5/2002.

Hiện nay cháu Q, cháu D, cháu B đã thành niên và tự lập được. Còn cháu Lý Vương T, sinh ngày 08/5/2002 chưa thành niên, anh B có nguyện vọng được nuôi cháu T và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh B và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, chị Nguyễn Thị Bích L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Lý Quốc B. Cùng với đơn khởi kiện chị L đã nộp kèm các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị L đúng theo quy định; Chị L và anh B đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 14, thị trấn C, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lý Quốc B đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xử xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Lý Quốc B, là đúng theo quy định của Pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị L và anh B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Mặc dù việc sống chung là tự nguyện nhưng việc chung sống mà không đăng ký kết hôn của anh chị đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 9 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*.

Do chị L và anh B chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống cả hai không còn hòa hợp, hiện nay chị L và anh B không còn sống chung với nhau; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị Nguyễn Thị Bích L và anh Lý Quốc B là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con Chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Bích L và anh Lý Quốc B có 04 con chung là cháu Lý Thị Trúc Q, sinh năm 1993; cháu Lý Thị Phương D, sinh năm 1995; cháu Lý Thiên B, sinh năm 1997; cháu Lý Vương T, sinh ngày 08/5/2002.

Các cháu Lý Thị Trúc Q, sinh năm 1993; cháu Lý Thị Phương D, sinh năm 1995; cháu Lý Thiên B, sinh năm 1997 đã thành niên và đã tự lập được nên anh B và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Lý Vương T, sinh ngày 08/5/2002, cả anh B và chị L đều có nguyện vọng nuôi cháu T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu T có lời khai thể hiện cháu có nguyện vọng ở với mẹ là chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo điều kiện sống ổn định và phát triển toàn diện của cháu T và phù hợp với nguyện vọng của cháu Thịnh, cần giao cháu Lý Vương T, sinh ngày 08/5/2002 cho chị Nguyễn Thị Bích L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Nguyên đơn là chị L và bị đơn là anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên miễn xét;

[5] Về phân tài sản chung và nợ chung: Miễn xét;

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bích L và anh Lý Quốc B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Vương T, sinh ngày 08/5/2002 cho chị Nguyễn Thị Bích L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh B không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002580 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Lưu HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Tiến Sỹ